

第六課 我們怎麼去台南？

Bài 6

Chúng ta đi Đài Nam bằng phương tiện gì?

👂 一、聽選生詞 NGHE VÀ CHỌN TỪ VỰNG (24%)

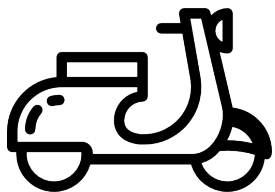
請從(A)(B)(C)中選出聽到的生詞。 Chọn từ vựng nghe được trong số 3 đáp án A, B, C.

- () 1. (A)子 (B)了 (C)司
- () 2. (A)輛 (B)能 (C)轉
- () 3. (A)等 (B)會 (C)侖
- () 4. (A)當然 (B)週末 (C)越南
- () 5. (A)問題 (B)怎麼 (C)聽說
- () 6. (A)方便 (B)比較 (C)捷運

👁️ 二、看圖回答 NHÌN HÌNH CHỌN ĐÁP ÁN (20%)

根據圖片提示從(A)(B)(C)中選出正確的答案。 Căn cứ theo gợi ý của các bức tranh và chọn ra 1 đáp án đúng trong 3 đáp án A, B, C.

() 1.



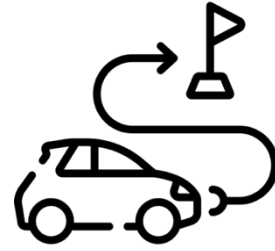
() 2.



() 3.



() 4.



() 5.



三、單句理解 CÂU ĐƠN (16%)

根據句子的意思，從三張圖片中選出與句子意思相符的圖片。 Căn cứ vào nội dung của câu nói, chọn ra một bức tranh chính xác nhất và thích hợp nhất.

() 1. 他會游泳，但是他今天不能游泳。

(A)

(B)

(C)



() 2. 公園裡面的人太多了。

(A)



(B)

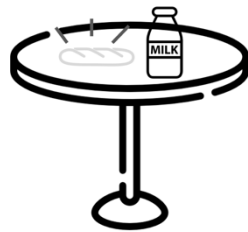


(C)



() 3. 今天早上我沒喝牛奶，我吃了一個麵包。

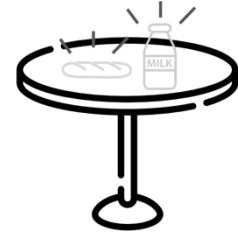
(A)



(B)

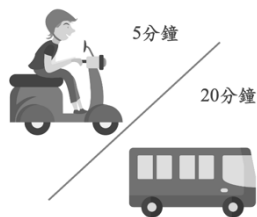


(C)

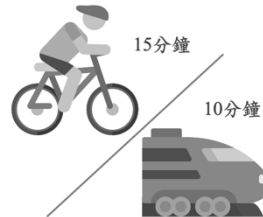


() 4. 騎摩托車比坐捷運快。

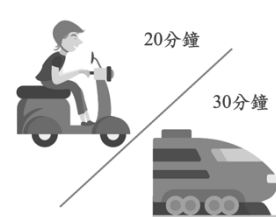
(A)



(B)

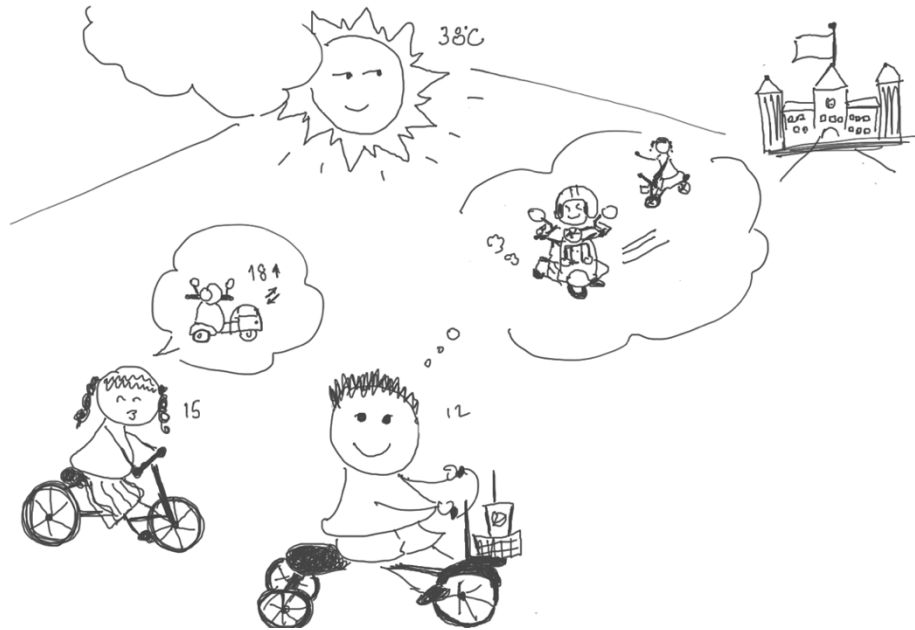


(C)



四、選詞填空 ĐIỀN VÀO CHỖ TRỐNG (20%)

根據圖片情境，選出最合適的答案。 Căn cứ vào nội dung bức tranh và chọn ra một đáp án thích hợp nhất.



() 1. 我跟朋友_____騎腳踏車去學校。

- (A) 一共
- (B) 一點
- (C) 一起

() 2. 今天的天氣_____熱了。

- (A) 太
- (B) 有
- (C) 真

() 3. 我們買_____一杯茶。

(A) 給

(B) 的

(C) 了

() 4. 騎腳踏車_____騎摩托車慢。

(A) 比

(B) 非常

(C) 比較

() 5. 我們想騎摩托車，_____我們還沒十八歲。

(A) 還是

(B) 但是

(C) 或是

五、完成段落 HOÀN THÀNH ĐOẠN VĂN (20%)

請根據短文的上下文，選出最適合該空格的答案。注意，一個選項只能用一次。 Căn cứ vào nội dung của đoạn văn, chọn ra đáp án phù hợp cho từng ô trống. (Mỗi đáp án chỉ được chọn một lần)

我的同學問我這個週末_____，我聽說台灣的夜市有很多好吃的東西，我_____！

在越南_____，我每天都騎，但是我_____，還不能騎摩托車，所以我不知道怎麼去比較好。我問了台灣朋友，他說我_____，真是太好了！

- A. 比開車快
- B. 要不要一起去夜市
- C. 剛到台灣
- D. 能做他的車去
- E. 當然要去
- F. 摩托車很方便

答案

一、

1. (A) 了
2. (A) 輛
3. (B) 會
4. (B) 週末
5. (C) 聽說
6. (A) 方便

二、

1. (C)
你買了什麼?
(A) 我買了一輛車 (B) 我買了一輛腳踏車 (C) 我買了一輛摩托車
2. (B)
爸爸什麼時候去游泳?
(A) 他不去游泳 (B) 他每個週末都去游泳 (C) 他每個星期一都去游泳
3. (B)
他在做什麼?
(A) 他在開車 (B) 他在等公車 (C) 他在問問題
4. (B)
誰比較高?
(A) 姊姊比哥哥高 (B) 哥哥比姊姊高 (C) 哥哥和姊姊一樣高
5. (A)
我們怎麼去台南?
(A) 我們開車去 (B) 我們坐公車去 (C) 我們坐火車去

三、

1. (C)
2. (B)
3. (A)
4. (C)

四、

1. (C)

2. (A)

3. (C)

4. (A)

5. (B)

五、

1. B

2. E

3. F

4. C

5. D

華語文語料庫與能力基準整合運用系統

運用說明

字詞表

- 國教院三等七級詞表 (Word 格式)
- 國教院三等七級詞表 (Excel 格式)
- 國教院三等七級字表 (Word 格式)
- 國教院語法點分級表 (Word 格式)

本評量係參考國教院字詞表及語法點分級表 1-2 級生詞、語法點編輯而成。

Your query "熱" returned 4,245 matches in 1,562 different texts (in 21,541,186 words [5,936 texts]; frequency: 197.06 instances per million words) [in 887 seconds - retrieved from 26/11/2015]

No	Filename	Solution 1 to 50	Page 1 / 85
1	DA2014SGSHZD153I	然後我們一樣加我們的素食豆干進來首先我們先稍微 熱 鍋子稍微熱了一下我們先下一點油我們先	
2	DA2014SGSHZD153I	加我們的素食豆干進來首先我們先稍微熱 熱 鍋子稍微熱了一下我們先下一點油我們先把這菇類	
3	DA2014SGSHZD153I	我們就可以把這個營養液大概像現在天氣比較 熱 大概兩三天它就有水可以把它噴出來讓	
4	DA2014YDFSHD18J	這符咒可以治個寒它說燒成灰然後用 熱 酒服下這道符咒又說它是可以治瘧疾	
5	DA2014NQRZQLD120I	暗的夜晚但是就一顆心還是在那邊 熱 的對就一顆心還是不放棄還是在	
6	DA2014NQRZQLD120I	對就一顆心還是在那邊 熱 著的我們是想要拍這樣的意涵會罵你	
7	DA2014MLXSHD47J	的聰明過生活的單元你知道夏天又來了很 熱 是所以呢聰明過生活我們今天呢要討論夏天	
8	DA2014MLXSHD47J	不可能穿過衣服來可你不過是不可能完全密封太 熱 了所以還是會有露出來的部位是所以我們除了	
9	DA2014HJMBSD15J	玉蜀黍的纖維等等地一共做了一千六百多種的耐 熱 材料以及六百多種的植物纖維天可這麼多啊一千六百多	
10	DA2014HJMBSD15J	那本來我們就會希望呢比方說你天氣已經很 熱 了你希望你進來房間裡面的時候可以有比較	
11	DA2014XFLBDD168I	風大的時候可能就不適合打羽毛球或者天氣 熱 的時候你在外面跑步可能就很辛苦夏天就	
12	DA2014KQSWMD1J	進食的一個適量我們先加入一些油讓它 熱 然後我們可以放入剛才已經切好的素火腿的部分	
13	DA2014JDTVD9J	他不是留在海邊散步他是躲到那個很 熱 很熱的夏天的那個沙丘裡面去我就	
14	DA2014JDTVD9J	是留在海邊散步他是躲到那個很熱很 熱 的夏天的那個沙丘裡面去我就覺得這	
15	DA2014JDTVD9J	種鳥非常特別為什麼牠會跑到沙丘裡面去那麼 熱 的天氣所以我就在淡水河口的 那個地方	
16	DA2014JDTVD9J	觀察對不對牠是用商面的因為天氣太 熱 了太陽直接照都變成荷包蛋了牠是那麼	

透過中介語索引典系統語料庫檢視所設計選項的單一性。如：設計「__熱了」一題，通過語料庫的資料，即可知道「很」不適合出現於選項中。

華語文閱讀測驗

Test of Chinese as a Foreign Language: Reading

入門基礎級

Band A

作答注意事項 Những điều cần chú ý khi làm bài thi:

- 一、這個題本一共有 50 題，考試時間是 60 分鐘。
Tập đề thi này có tất cả 50 câu hỏi, thời gian làm bài thi trong khoảng 60 phút.
- 二、所有的答案必須寫在答案卡上。寫在題本上的答案將不算進成績。
Tất cả đáp án phải được viết trên phiếu trả lời, nếu viết đáp án lên tập đề thi sẽ không được tính điểm.

本評量題型係參考國家華語測驗推動工作委員會入門基礎級題型及說明編製而成。